

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/2026/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống
tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 266/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (sau đây viết là Bộ Chỉ số).

2. Quyết định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây viết là cấp bộ), ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (sau đây viết là cấp tỉnh); cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Điều 2. Mục đích đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhằm đánh giá khách quan, toàn diện kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản trị, theo dõi xu hướng, nhận diện nguy cơ và cảnh báo sớm trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; được sử dụng trong đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng Bộ Chỉ số

1. Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Áp dụng đầy đủ, đồng bộ các nội dung Bộ Chỉ số khi đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, bảo đảm độc lập, khách quan, chính xác, trung thực, công khai, minh bạch, khoa học, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Cấu trúc Bộ Chỉ số

Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gồm:

1. Nhóm tiêu chí tính điểm

a) Nhóm A: Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

b) Nhóm B: Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

c) Nhóm C: Phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

d) Nhóm D: Xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Nhóm tiêu chí điểm trừ

a) Việc không thực hiện hoặc chậm nộp báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cung cấp thông tin, báo cáo, hồ sơ, tài liệu minh chứng không chính xác; báo cáo không có tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhưng các cơ quan có thẩm quyền khác lại phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan cấp bộ, cấp trực thuộc bộ; cấp tỉnh, cấp trực thuộc tỉnh, cấp xã bị xử lý do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được các cơ quan khác ngoài cấp bộ; ngoài cấp tỉnh phát hiện.

3. Nhóm tiêu chí điểm cộng

- a) Việc thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vượt chỉ tiêu được giao;
- b) Chủ động kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- c) Chủ động kiến nghị biện pháp ngăn chặn việc tẩu tán tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- d) Phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động điều tra của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trực thuộc Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 5. Các tiêu chí áp dụng chung cho cấp bộ, cấp tỉnh

1. Tiêu chí đánh giá việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gồm các tiêu chí thành phần:

- a) Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- b) Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- c) Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Tiêu chí đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước gồm các tiêu chí thành phần:

- a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch;
- b) Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích;
- c) Kết quả ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ;
- d) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử;
- đ) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác;
- e) Kết quả thực hiện cải cách hành chính;
- g) Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý;

- h) Kết quả thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam;
- i) Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập;
- k) Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu;
- l) Việc thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Tiêu chí đánh giá việc phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gồm các tiêu chí thành phần:

- a) Kết quả phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra;
- b) Kết quả phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- c) Kết quả phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động điều tra.

4. Tiêu chí đánh giá việc xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gồm các tiêu chí thành phần:

- a) Kết quả xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- b) Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính với tổ chức, cá nhân có vi phạm;
- c) Kết quả thực hiện các kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử;
- d) Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- đ) Thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Điều 6. Tiêu chí đặc thù đối với các cấp bộ

Tiêu chí đặc thù được áp dụng đối với cấp bộ có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đặc thù như sau:

1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước áp dụng đối với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nội vụ, Thanh tra Chính phủ.

2. Phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác thanh tra áp dụng đối với cấp bộ có chức năng thanh tra.

3. Phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua điều tra áp dụng đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

4. Thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp áp dụng đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Bộ Tư pháp.

Điều 7. Tiêu chí đặc thù đối với cấp tỉnh

Tiêu chí đặc thù được áp dụng đối với cấp tỉnh là tiêu chí đánh giá kết quả hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước gồm các tiêu chí thành phần:

1. Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ.
2. Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch.
3. Kiểm soát xung đột lợi ích.
4. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu.

Điều 8. Thang điểm và phương pháp tính điểm

1. Bộ Chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo thang điểm 100 đối với các nhóm tiêu chí được quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Quyết định này.

2. Phương pháp chấm điểm đối với các tiêu chí

a) Đối với tiêu chí định lượng:

$$\text{Điểm đánh giá thành phần} = \frac{A}{B} \times C$$

Trong đó:

A: Số liệu đã thực hiện trong thực tế (kết quả thực hiện cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hoặc theo chỉ đạo, yêu cầu, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền).

B: Số liệu phải thực hiện (theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hoặc theo chỉ đạo, yêu cầu, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền).

C: Điểm tối đa của tiêu chí thành phần.

Điểm đánh giá thành phần được lấy đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

b) Đối với tiêu chí định tính:

Thực hiện đầy đủ yêu cầu của tiêu chí, được tính 100% điểm tối đa;

Thực hiện một phần yêu cầu của tiêu chí, được tính điểm theo tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng đạt được;

Không thực hiện yêu cầu của tiêu chí, không được tính điểm.

c) Thang điểm và phương pháp tính điểm được quy định chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Tính điểm và kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

1. Tổng điểm đánh giá = Điểm đánh giá của nhóm tiêu chí tính điểm + Điểm đánh giá của nhóm tiêu chí điểm cộng - Điểm đánh giá của nhóm tiêu chí điểm trừ.

Trường hợp tổng điểm đánh giá vượt quá 100 điểm thì tổng điểm được xác định là 100 điểm.

2. Kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được xếp thứ tự từ cao xuống thấp chia thành 2 khối, gồm: khối bộ và khối địa phương.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 9 năm 2026.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hằng năm; gửi kết quả đánh giá về Thanh tra Chính phủ trước ngày 31 tháng 01 của năm liền kề năm đánh giá.

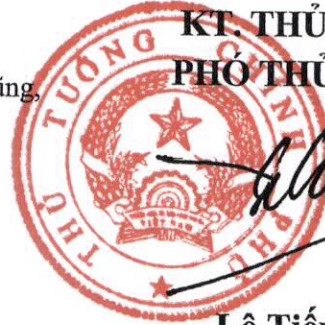
Số liệu được sử dụng để đánh giá được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm đánh giá. Báo cáo đánh giá được thực hiện trên môi trường điện tử khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Bộ Chỉ số; tiến hành rà soát kết quả đánh giá của cấp bộ, cấp tỉnh; tổng hợp kết quả đánh giá của cấp bộ, cấp tỉnh và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. Trong trường hợp phát hiện kết quả đánh giá chưa đầy đủ, thiếu chính xác thì trao đổi bằng văn bản để bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức rà soát, đánh giá lại. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Thanh tra Chính phủ yêu cầu rà soát, đánh giá lại, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm hoàn thành việc rà soát, đánh giá lại và gửi kết quả về Thanh tra Chính phủ.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Thanh tra Chính phủ để được hướng dẫn; đối với nội dung vượt thẩm quyền được tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, V.I (2b). 15



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Tiến Châu



Phụ lục I
THANG ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG
THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC ĐỐI VỚI BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ
(Kèm theo Quyết định số 47/2026/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	CÁCH TÍNH ĐIỂM	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ	Điểm
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT ĐỂ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC¹			22
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo			7
A.1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực			4
A.1.1.1. Chỉ đạo thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương để PCTNLPTC trong năm	- Bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây viết là cấp bộ) có văn bản triển khai các văn bản trong năm của các cơ quan ở Trung ương để PCTNLPTC: 1 điểm. - Cấp bộ không có văn bản triển khai các văn bản trong năm của các cơ quan ở Trung ương để PCTNLPTC: 0 điểm.	Liệt kê văn bản của cấp bộ triển khai	1
A.1.1.2. Ban hành kế hoạch PCTNLPTC trong năm	- Cấp bộ có ban hành kế hoạch PCTNLPTC trong năm: 1 điểm. - Không ban hành kế hoạch: 0 điểm.	Kế hoạch PCTNLPTC trong năm của cấp bộ	1
A.1.1.3. Ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trong năm	- Cấp bộ có ban hành chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí trong năm: 1 điểm. - Không ban hành chương trình, kế hoạch: 0 điểm.	Chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí trong năm của cấp bộ	1
A.1.1.4. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để PCTNLPTC	- Cấp bộ có ban hành chính sách, pháp luật để PCTNLPTC trong năm và không sửa đổi, bổ sung: 1 điểm; - Có văn bản chính sách, pháp luật được ban hành trong năm nhưng trong năm đó phải sửa đổi, bổ sung 01 lần: 0,5 điểm; - Có văn bản chính sách, pháp luật được ban hành trong năm nhưng trong năm đó phải sửa đổi, bổ sung 02 lần trở lên thì 0 điểm	Liệt kê Văn bản xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để PCTNLPTC trong năm của cấp bộ (bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung).	1

¹ Sau đây gọi tắt là PCTNLPTC

A.1.2. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC	Nội dung kế hoạch PCTNLPTC trong năm: - Có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC: 1 điểm. - Không có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC: 0 điểm.	Liệt kê nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC nêu trong Kế hoạch PCTNLPTC trong năm của cấp bộ.	1
A.1.3. Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, giáo dục pháp luật để PCTNLPTC, kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC			2
A.1.3.1. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để PCTNLPTC	Nội dung kế hoạch PCTNLPTC trong năm: - Có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để PCTNLPTC: 1 điểm. - Không có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để PCTNLPTC: 0 điểm.	Liệt kê nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để PCTNLPTC nêu trong Kế hoạch PCTNLPTC trong năm của cấp bộ.	1
A.1.3.2. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL để PCTNLPTC	Nội dung kế hoạch PCTNLPTC trong năm: - Có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC: 1 điểm. - Không có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC: 0 điểm.	Liệt kê nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC nêu trong Kế hoạch PCTNLPTC trong năm của cấp bộ.	1
A.2. Đánh giá việc thực hiện của các cục, vụ, đơn vị thuộc cấp bộ²			15
A.2.1. Thực hiện xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để PCTNLPTC	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ có chức năng xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật) x 3 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã xây dựng và hoàn thiện chính sách để PCTNLPTC; danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ có chức năng xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật để PCTNLPTC	3
A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC	(Số lượng đơn vị đã thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ có chức năng kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật) x 2 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC; danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ có chức năng kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC	2

² Sau đây gọi là đơn vị

A.2.3. Thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí			3
A.2.3.1. Ban hành Chương trình	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải ban hành) x 1 = ... Lưu ý, trường hợp cấp bộ không yêu cầu các đơn vị thuộc cấp bộ ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí thì được 1 điểm	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành, phải ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.	1
A.2.3.2. Kết quả thực hiện	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã báo cáo kết quả thực hiện/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải báo cáo) x 2 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã báo cáo, phải báo cáo kết quả thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trong năm được đánh giá; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	2
A.2.4. Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNLPTC			3
A.2.4.1. Ban hành kế hoạch	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành kế hoạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải ban hành) x 1 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành, phải ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNLPTC.	1
A.2.4.2. Kết quả thực hiện	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải báo cáo) x 2 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ có văn bản báo cáo kết quả thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNLPTC; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	2
A.2.5. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTNLPTC	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã có báo cáo kết quả thực hiện/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ có chức năng kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật) x 4 =	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã có báo cáo, phải báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTNLPTC; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	4

B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC			55
Đối với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nội vụ, Thanh tra Chính phủ			
B.1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước			50
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật trong một số lĩnh vực			7
B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai về tiết kiệm, chống lãng phí	(Số lượng, nội dung thực tế đã thực hiện công khai/Tổng số nội dung phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí) x 1 =	Liệt kê danh sách các nội dung đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định	1
B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định; Thông báo tuyển dụng, Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định của pháp luật	1
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách nhà nước	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.7. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	(Số lượng, nội dung thực tế đã thực hiện công khai/Tổng số nội dung phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật) x 1 =	Liệt kê danh sách các nội dung đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1

B.1.2. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)			3
B.1.2.1. Việc ban hành văn bản triển khai rà soát XĐLI	(Số lượng đơn vị trực thuộc cấp bộ đã ban hành văn bản triển khai rà soát XĐLI/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện rà soát XĐLI) x 1 =	Liệt kê chi tiết danh sách đơn vị trực thuộc cấp bộ đã ban hành và phải ban hành văn bản triển khai tổ chức rà soát XĐLI.	1
B.1.2.2. Báo cáo rà soát XĐLI	(Số lượng đơn vị đã báo cáo rà soát XĐLI/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải báo cáo rà soát XĐLI) x 1 =	Liệt kê chi tiết danh sách đơn vị trực thuộc cấp bộ đã báo cáo và phải báo cáo kết quả tổ chức rà soát XĐLI	1
B.1.2.3. Kết quả rà soát XĐLI	- Không có hoặc xử hết các vụ XĐLI: 1 điểm - Qua rà soát còn 1 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,8 điểm - Qua rà soát còn 2 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,6 điểm - Qua rà soát còn 3 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,4 điểm - Qua rà soát còn 4 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,2 điểm - Qua rà soát còn 5 vụ XĐLI trở lên chưa xử lý: 0 điểm	Liệt kê chi tiết các vụ XĐLI	1
B.1.3. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CD, TC)			4
B.1.3.1. Việc ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành văn bản / Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải ban hành) x 2 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành, phải ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC.	2
B.1.3.2. Kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã báo cáo/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải báo cáo) x 2 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã báo cáo, phải báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện ĐM, CD, TC; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	2
B.1.4. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã báo cáo/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải báo cáo) x 3 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ báo cáo, phải báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	3
B.1.5. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức			3
B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành kế hoạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải ban hành kế hoạch) x 1 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành và phải ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác.	1

B.1.5.2. Kết quả thực hiện	(Số lượng người thuộc cấp bộ đã chuyển đổi vị trí công tác/Tổng số người thuộc cấp bộ phải chuyển đổi vị trí công tác) x 1 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách số người đã và phải chuyển đổi vị trí công tác.	1
B.1.5.3. Việc chuyển đổi đối với vị trí có nguy cơ tham nhũng cao và phù hợp với vị trí việc làm	- Đã rà soát, xác định và thực hiện đầy đủ việc chuyển đổi đối với các vị trí thuộc diện phải chuyển đổi, trong đó ưu tiên các vị trí, lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao và phù hợp với vị trí việc làm: 1 điểm; - Đã rà soát nhưng việc tổ chức thực hiện chưa đầy đủ: 0,5 điểm; - Không thực hiện rà soát hoặc bỏ sót vị trí thuộc diện phải chuyển đổi: 0 điểm	Báo cáo kết quả rà soát, xác định và thực hiện đầy đủ việc chuyển đổi đối với các vị trí thuộc diện phải chuyển đổi, trong đó ưu tiên các vị trí, lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao và phù hợp với vị trí việc làm	1
B.1.6. Kết quả thực hiện cải cách hành chính	Quy đổi từ điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR Index) (Điểm PAR Index của Bộ trong năm)/100 x 5.	Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố: kết quả PAR Index được sử dụng là kết quả đánh giá của năm liền trước năm thực hiện đánh giá và được công bố trong năm thực hiện đánh giá	5
B.1.7. Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý	Quy đổi từ điểm số chuyển đổi số do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố (DTI) (Điểm DTI của Bộ trong năm)/500 x 7.	Điểm số chuyển đổi số do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố: kết quả DTI được sử dụng là kết quả đánh giá của năm liền trước năm thực hiện đánh giá và được công bố trong năm thực hiện đánh giá	7
B.1.8. Kết quả thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam	- Cấp bộ ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện: 1 điểm. - Cấp bộ không ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện: 0 điểm. - Cấp bộ báo cáo kết quả thực hiện: 1 điểm. - Cấp bộ không báo cáo kết quả thực hiện: 0 điểm.	- Kế hoạch hoặc lồng ghép các nội dung về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt thanh toán không dùng tiền mặt vào các đề án, dự án, kế hoạch của bộ. - Báo cáo kết quả thực hiện trong năm.	2
B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)			8
B.1.9.1. Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN.	- Cấp bộ lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN đầy đủ, kịp thời: 2 điểm. - Cấp bộ chậm lập danh sách, không đầy đủ người có nghĩa vụ kê khai TSTN: 1 điểm - Cấp bộ không lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN: 0 điểm.	Danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN của cấp bộ.	2

B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải kê khai, công khai) x 2 =	Liệt kê danh sách đơn vị thuộc cấp bộ đã hoàn thành, phải hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN	2
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN trong năm	- Cấp bộ phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN trong năm: 1 điểm - Đơn vị được giao ban hành kế hoạch tiến hành xác minh TSTN trong năm: 1 điểm	- Liệt kê văn bản cấp bộ Phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN trong năm. - Kế hoạch tiến hành xác minh TSTN trong năm.	2
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN trong năm	(Số người được xác minh TSTN trong năm đã có kết luận/Tổng số người được xác minh TSTN trong năm) x 2 =	Liệt kê Báo cáo kết quả xác minh TSTN, kết luận xác minh TSTN đã thực hiện trong năm.	2
B.1.10. Thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu			6
B.1.10.1. Việc chỉ đạo của Bộ trưởng xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	(Số vụ việc được Bộ trưởng có văn bản chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gửi tới Bộ trưởng) x 2 = Lưu ý: Nếu bộ không có công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thì được 2 điểm	- Liệt kê các văn bản của Bộ trưởng chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Liệt kê tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Liệt kê tổng số các vụ việc có kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Cung cấp các báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTNLPTC của cấp bộ trong năm	2
B.1.10.2. Việc tiếp công dân của Bộ trưởng theo quy định	(Số tháng tiếp công dân của Bộ trưởng/12 tháng) x 2 =	Liệt kê thông báo, lịch, biên bản thể hiện số tháng tiếp công dân của Bộ trưởng, văn bản ủy quyền theo quy định	2
B.1.10.3. Tiếp công dân của Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân	(Số lượng Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân tiếp dân đầy đủ theo quy định/Tổng số Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân) x 2 = ...	Liệt kê danh sách Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân tiếp công dân đầy đủ theo quy định. Ghi chú: Mỗi đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân cập nhật thông báo, lịch, biên bản... thể hiện số tháng tiếp	2

		<i>công dân của Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân theo quy định</i>	
B.1.11. Việc thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí	Số thông tin được cập nhật/tổng số thông tin phải cập nhật theo quy định $\times 2 = \dots$	Liệt kê thông tin phải cập nhật; thông tin đã được cập nhật, thời hạn cập nhật	2
B.2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước			5
B.2.1. Xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ	- Trong năm, cấp bộ có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ: 1 điểm. - Không có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả: 0 điểm.	Liệt kê văn bản do cấp bộ ban hành hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước trong năm.	1
B.2.2. Thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch	- Trong năm, cấp bộ có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch: 1 điểm. - Không có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả: 0 điểm.	Liệt kê văn bản do cấp bộ ban hành hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước trong năm.	1
B.2.3. Thực hiện kiểm soát, xung đột lợi ích	- Trong năm, cấp bộ có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát, xung đột lợi ích: 1 điểm. - Không có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả: 0 điểm.	Liệt kê văn bản do cấp bộ ban hành hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước trong năm.	1
B.2.4. Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu trong việc báo cáo kết quả áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng	(Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có văn bản báo cáo kết quả áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng/Tổng số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước thuộc phạm vi quản lý có nghĩa vụ báo cáo) $\times 2 = \dots$	Liệt kê số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có văn bản báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng.	2
Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ khác			
B.1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước			55
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật trong một số lĩnh vực:			8
<i>B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính</i>	<i>(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện công khai, minh bạch) $\times 1 = \dots$</i>	<i>Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.</i>	<i>1</i>

B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai về tiết kiệm, chống lãng phí	(Số lượng, nội dung thực tế đã thực hiện công khai/Tổng số nội dung phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí) x 2=....	Liệt kê danh sách các nội dung đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	2
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1=....	Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1=....	Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định; Thông báo tuyển dụng, Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định của pháp luật	1
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách nhà nước	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1=....	Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1=....	Liệt kê danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.7. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	(Số lượng, nội dung thực tế đã thực hiện công khai/Tổng số nội dung phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật) x 1=....	Liệt kê danh sách các nội dung đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.2. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)			3
B.1.2.1. Việc ban hành văn bản triển khai rà soát XĐLI	(Số lượng đơn vị trực thuộc cấp bộ ban hành văn bản triển khai rà soát XĐLI/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải thực hiện rà soát XĐLI) x 1=....	Liệt kê chi tiết danh sách đơn vị trực thuộc cấp bộ đã ban hành và phải ban hành văn bản triển khai tổ chức rà soát XĐLI.	1
B.1.2.2. Báo cáo rà soát XĐLI	(Số lượng đơn vị đã báo cáo rà soát XĐLI/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải báo cáo rà soát XĐLI) x 1=....	Liệt kê chi tiết danh sách đơn vị trực thuộc cấp bộ đã báo cáo và phải báo cáo kết quả tổ chức rà soát XĐLI	1
B.1.2.3. Kết quả rà soát XĐLI	- Không có hoặc xử lý hết các vụ XĐLI: 1 điểm - Qua rà soát còn 1 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,8 điểm - Qua rà soát còn 2 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,6 điểm - Qua rà soát còn 3 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,4 điểm	Liệt kê chi tiết các vụ XĐLI	1

	- Qua rà soát còn 4 vụ XDLI chưa xử lý: 0,2 điểm - Qua rà soát còn 5 vụ XDLI trở lên chưa xử lý: 0 điểm		
B.1.3. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)			4
B.1.3.1. Việc ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành văn bản/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải ban hành) x 2 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành, phải ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC.	2
B.1.3.2. Kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã báo cáo/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải báo cáo) x 2 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã báo cáo, phải báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	2
B.1.4. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải báo cáo) x 4 =	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	4
B.1.5. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức			3
B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác/Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác) x 1 =	Liệt kê chi tiết danh sách các đơn vị thuộc cấp bộ đã ban hành và phải ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác.	1
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	(Số lượng người thuộc cấp bộ đã chuyển đổi vị trí công tác/Tổng số người thuộc cấp bộ phải chuyển đổi vị trí công tác) x 1 =	Liệt kê chi tiết danh sách số người đã và phải chuyển đổi vị trí công tác.	1
B.1.5.3. Việc chuyển đổi đối với vị trí có nguy cơ tham nhũng cao và phù hợp với vị trí việc làm	- Đã rà soát, xác định và thực hiện đầy đủ việc chuyển đổi đối với các vị trí thuộc diện phải chuyển đổi, trong đó ưu tiên các vị trí, lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao và phù hợp với vị trí việc làm: 1 điểm; - Đã rà soát nhưng việc tổ chức thực hiện chưa đầy đủ: 0,5 điểm; - Không thực hiện rà soát hoặc bỏ sót vị trí thuộc diện phải chuyển đổi: 0 điểm	Báo cáo kết quả rà soát, xác định và thực hiện đầy đủ việc chuyển đổi đối với các vị trí thuộc diện phải chuyển đổi, trong đó ưu tiên các vị trí, lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao và phù hợp với vị trí việc làm	1

B.1.6. Kết quả thực hiện cải cách hành chính	Quy đổi từ điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR Index) (Điểm PAR Index của Bộ trong năm)/100 x 7.	Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố: kết quả PAR Index được sử dụng là kết quả đánh giá của năm liền trước năm thực hiện đánh giá và được công bố trong năm thực hiện đánh giá	7
B.1.7. Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý	Quy đổi từ điểm số chuyển đổi số do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố (DTI). (Điểm DTI của Bộ trong năm)/500 x 8.	Điểm số chuyển đổi số do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố: kết quả DTI được sử dụng là kết quả đánh giá của năm liền trước năm thực hiện đánh giá và được công bố trong năm thực hiện đánh giá.	8
B.1.8. Kết quả thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam	- Cấp bộ ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện: 1 điểm. - Cấp bộ không ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện: 0 điểm. - Cấp bộ báo cáo kết quả thực: 1 điểm. - Cấp bộ không báo cáo kết quả thực hiện: 0 điểm.	- Kế hoạch hoặc lồng ghép các nội dung về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt thanh toán không dùng tiền mặt vào các đề án, dự án, kế hoạch của bộ. - Báo cáo kết quả thực hiện trong năm.	2
B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)			8
B.1.9.1. Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN.	- Cấp bộ lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN đầy đủ, kịp thời: 2 điểm. - Cấp bộ chậm lập danh sách, không đầy đủ người có nghĩa vụ kê khai TSTN: 1 điểm - Cấp bộ không lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN: 0 điểm.	Danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN của cấp bộ.	2
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	(Số lượng đơn vị thuộc cấp bộ đã hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định/ Tổng số đơn vị thuộc cấp bộ phải kê khai, công khai) x 2 =	Liệt kê danh sách đơn vị thuộc cấp bộ đã hoàn thành, phải hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định.	2
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN trong năm	- Cấp bộ phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN trong năm: 1 điểm - Đơn vị được giao ban hành kế hoạch tiến hành xác minh TSTN trong năm: 1 điểm	- Liệt kê văn bản cấp bộ phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN trong năm. - Kế hoạch tiến hành xác minh TSTN trong năm.	2
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN trong năm	(Số người được xác minh TSTN trong năm đã có kết luận/Tổng số người được xác minh TSTN trong năm) x 2 =	Liệt kê Báo cáo kết quả xác minh TSTN, kết luận xác minh TSTN đã thực hiện trong năm.	2

B.1.10. Thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu			6
<i>B.1.10.1. Việc chỉ đạo của Bộ trưởng xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.</i>	<i>(Số vụ việc được Bộ trưởng có văn bản chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gửi tới Bộ trưởng) x 2 =</i> <i>Lưu ý: Nếu bộ không có công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thì được 2 điểm</i>	- Liệt kê các văn bản của Bộ trưởng chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Liệt kê tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Liệt kê tổng số các vụ việc có kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Cung cấp các báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTNLPTC của cấp bộ trong năm	2
<i>B.1.10.2. Việc tiếp công dân của Bộ trưởng theo quy định</i>	<i>(Số tháng tiếp công dân của Bộ trưởng/12 tháng) x 2 =</i>	<i>Liệt kê thông báo, lịch, biên bản thể hiện số tháng tiếp công dân của Bộ trưởng, văn bản uỷ quyền theo quy định</i>	2
<i>B.1.10.3. Tiếp công dân của Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân</i>	<i>(Số lượng Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân tiếp dân đầy đủ theo quy định/ Tổng số Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân) x 2 = ...</i>	<i>Liệt kê danh sách Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân tiếp công dân đầy đủ theo quy định.</i> <i>Ghi chú: Mỗi đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân cập nhật thông báo, lịch, biên bản... thể hiện số tháng tiếp công dân của Người đứng đầu đơn vị thuộc bộ có chức năng tiếp công dân theo quy định</i>	2
<i>B.1.11. Việc thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí</i>	<i>Số thông tin được cập nhật/tổng số thông tin phải cập nhật theo quy định x 2 = ...</i>	<i>Liệt kê thông tin phải cập nhật; thông tin đã được cập nhật, thời hạn cập nhật</i>	2
C. Việc phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực			15
Đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng			
<i>C.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua giám sát, thanh tra, kiểm tra</i>	<i>(Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện)x1 + (Số cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cuộc giám sát thực hiện)x1</i>	<i>- Liệt kê cụ thể các cuộc giám sát, thanh tra (nếu có), kiểm tra, kiểm toán độc lập.</i>	6

	phí, tiêu cực/Tổng số cuộc giám sát thực hiện) x 1 + (Số cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cuộc thanh tra thực hiện) x 4 =....	- Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, trong năm của bộ. - Báo cáo kết quả giám sát trong năm.	
C.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc thông tin được cung cấp dưới hình thức khác theo quy định của pháp luật	(Số vụ việc đã phát hiện qua tin phản ánh/Tổng số tin phản ánh có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong Bộ) x 1 + (Số vụ việc đã phát hiện qua đơn tố cáo/ Tổng số đơn tố cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong Bộ) x 1 + (Số vụ việc đã phát hiện qua báo cáo/Tổng số báo cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong Bộ) x 1 =....	- Liệt kê cụ thể các vụ việc đã phát hiện, số lượng tin phản ánh, tố cáo, báo cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được phát hiện trong năm. - Báo cáo kết quả phát hiện, xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm.	3
C.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua điều tra	(Số vụ án tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được cơ quan điều tra của Bộ khởi tố điều tra/Tổng số vụ việc tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) x 6 =...	Số liệu cụ thể vụ án phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua điều tra do các cơ quan điều tra của bộ phát hiện trong năm.	6
Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ khác			
C.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua giám sát, thanh tra, kiểm tra	[(Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện) + (Số cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cuộc giám sát thực hiện) + (Số cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cuộc thanh tra thực hiện)] x 3 =.... (Lưu ý: Nếu cơ quan không có chức năng thanh tra thì hệ số x 4,5)	- Liệt kê cụ thể các cuộc giám sát, thanh tra (nếu có), kiểm tra, kiểm toán độc lập. - Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, trong năm của cấp bộ. - Báo cáo kết quả giám sát trong năm.	9
C.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc thông tin được cung cấp dưới hình thức khác theo quy định của pháp luật	(Số vụ việc đã phát hiện qua tin phản ánh/Tổng số tin phản ánh có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cấp bộ) x 2 + (Số vụ việc đã phát hiện qua đơn tố cáo/Tổng số đơn tố cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cấp bộ) x 2 + (Số vụ việc đã phát hiện qua báo cáo/Tổng số báo cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cấp bộ) x 2 =....	- Liệt kê cụ thể các vụ việc đã phát hiện, số lượng tin phản ánh, tố cáo, báo cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được phát hiện trong năm. - Báo cáo kết quả phát hiện, xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm.	6

D. Việc xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực			8
Đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng			
D.1. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	Số cơ quan đã xử lý trách nhiệm Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) x 1 = ...	- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực do bộ phát hiện. - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực do bộ phát hiện.	1
D.3. Kết quả thực hiện các kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử	Số kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử đã được xử lý/Tổng số kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được bộ tiếp nhận x 2 =	Liệt kê số kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được bộ tiếp nhận và tài liệu chứng minh đã xử lý	2
D.4. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	(Số người bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) x 2 =	Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong năm.	2
D.5. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng biện pháp hành chính	(Số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh/Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh) x 1 =	- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc. - Liệt kê số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc.	1
D.6. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng biện pháp tư pháp	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, thi hành án/Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác điều tra, thi hành án) x 2 =	- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, thi hành án theo từng vụ việc. - Liệt kê số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác điều tra, thi hành án theo từng vụ việc.	2

Đối với Bộ Tư pháp			
D.1. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	Số cơ quan đã xử lý trách nhiệm Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) x 1 = ...	- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực do bộ phát hiện. - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực do bộ phát hiện.	1
D.2. Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính với tổ chức, cá nhân có vi phạm	(Số tổ chức, cá nhân đã xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính do để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số tổ chức, cá nhân để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) x 2 =	Liệt kê danh sách các tổ chức, cá nhân bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc vi phạm trong tổ chức thực hiện do bộ phát hiện.	2
D.3. Kết quả thực hiện các kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử	Số kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử đã được xử lý/Tổng số kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được bộ tiếp nhận x 1 =	Liệt kê số kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được bộ tiếp nhận và tài liệu chứng minh đã xử lý	1
D.5. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng biện pháp hành chính	(Số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh/Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh) x 2 =	- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc. - Liệt kê số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc.	2
D.6. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng biện pháp tư pháp	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án dân sự/Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác thi hành án dân sự) x 2 =	- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án dân sự theo từng vụ việc. - Liệt kê số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác thi hành án dân sự theo từng vụ việc.	2

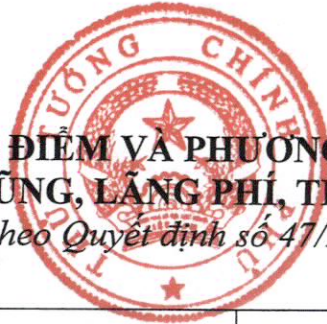
Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ khác			
D.1. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	Số cơ quan đã xử lý trách nhiệm Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên) x 2 = ...	- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực do bộ phát hiện. - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực do bộ phát hiện.	2
D.2. Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính với tổ chức, cá nhân có vi phạm	(Số tổ chức, cá nhân đã xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính do để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số tổ chức, cá nhân để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) x 2 =	Liệt kê danh sách các tổ chức, cá nhân bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc vi phạm trong tổ chức thực hiện do bộ phát hiện.	2
D.3. Kết quả thực hiện các kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử	Số kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử đã được xử lý/Tổng số kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được bộ tiếp nhận x 2 =	Liệt kê số kiến nghị của các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử được bộ tiếp nhận và tài liệu chứng minh đã xử lý	2
D.5. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng biện pháp hành chính	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh/Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh) x 2 =	- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc. - Liệt kê số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc.	2
Đ. ĐIỂM CÔNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC			
Đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tư pháp			
Đ.1. Thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động tư pháp	Tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vượt chỉ tiêu được Quốc hội giao: 2 điểm	Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan trong năm.	+ 2
Đối với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường			
Đ.2. Phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động điều tra của các cơ quan	Phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua hoạt động điều tra: 1 điểm	Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan trong năm.	+1

được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra			
Đ.3. Chủ động kiến nghị biện pháp ngăn chặn việc tẩu tán tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Có văn bản kiến nghị biện pháp ngăn chặn, tẩu tán tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đến cơ quan có thẩm quyền: 1 điểm	Văn bản kiến nghị biện pháp ngăn chặn, tẩu tán tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đến cơ quan có thẩm quyền	+ 1
Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ khác			
Đ.3. Chủ động kiến nghị biện pháp ngăn chặn việc tẩu tán tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Có văn bản kiến nghị biện pháp ngăn chặn, tẩu tán tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đến cơ quan có thẩm quyền: 1 điểm	Văn bản kiến nghị biện pháp ngăn chặn, tẩu tán tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đến cơ quan có thẩm quyền	+ 1
Đ.4. Chủ động kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Có văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: 1 điểm	Văn bản cung cấp hồ sơ, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	+1
E. ĐIỂM TRỪ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC			
E.1. Việc không thực hiện hoặc chậm nộp báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Cấp bộ không thực hiện nộp báo cáo công tác PCTNLPTC hằng năm; báo cáo tự đánh giá công tác PCTNLPTC và tài liệu minh chứng: - 2 điểm. Cấp bộ chậm nộp báo cáo công tác PCTNLPTC hằng năm; báo cáo tự đánh giá công tác PCTNLPTC và tài liệu minh chứng: - 1 điểm.	Thời gian gửi báo cáo của cấp bộ	- 2
E.2. Cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng không chính xác	Cấp bộ cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng không chính xác: - 2 điểm.	Khi các cơ quan khác phát hiện	-2
E.3. Báo cáo không có tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhưng các cơ quan có thẩm quyền khác lại phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Có vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bị các cơ quan khác phát hiện	Khi các cơ quan khác phát hiện	-3
E.4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp bộ; cấp trực thuộc bộ bị xử	Trong năm, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp bộ, cấp trực thuộc bộ bị xử lý do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực:	Liệt kê người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp bộ, cấp trực thuộc bộ	- 2

lý do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được các cơ quan khác phát hiện	- Mức 1: Có trường hợp bị xử lý hình sự hoặc khai trừ: - 2 điểm. - Mức 2: Có trường hợp bị xử lý cách chức: -1,5 điểm. - Mức 3: Có trường hợp bị xử lý cảnh cáo: -1 điểm. - Mức 4: Có trường hợp bị xử lý khiển trách: -0,5 điểm. (Cấp bộ có nhiều trường hợp bị xử lý ở các mức khác nhau, thì trừ điểm ở mức cao nhất).	bị xử lý do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm: - Mức 1: (bị xử lý hình sự hoặc khai trừ): - Mức 2: (bị xử lý cách chức): - Mức 3: (bị xử lý cảnh cáo): - Mức 4: (bị xử lý khiển trách):	
--	---	---	--

Lưu ý:

1. Trường hợp điểm theo phương pháp tính cao hơn điểm tối đa thì lấy điểm đánh giá là điểm tối đa.
2. Lấy điểm đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.
3. Đối với tiêu chí tại các mục C.1, C.2, D.1, D.2, D.3, D.5: Nếu bộ, các đơn vị làm tốt công tác phòng ngừa nên không có phản ánh, tố cáo, báo cáo, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và không phát sinh vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thì sẽ được điểm tối đa. Trường hợp bị cơ quan khác ngoài bộ phát hiện có tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thì không có điểm và các tiêu chí tương ứng bị trừ điểm.
4. Cơ quan, đơn vị sau sắp xếp có trách nhiệm tổng hợp, tiếp nhận và kế thừa số liệu, tài liệu của cơ quan, đơn vị trước khi sắp xếp thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao để phục vụ việc đánh giá.



Phụ lục II
THANG ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG
THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Quyết định số 47/2026/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TÊN TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	CÁCH TÍNH ĐIỂM	YÊU CẦU TÀI LIỆU, SỐ LIỆU PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ	Điểm
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT ĐỂ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC¹			18
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo			5
A.1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để PCTNLPTC			2,5
A.1.1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các văn bản của các cơ quan ở Trung ương để PCTNLPTC trong năm	- UBND các tỉnh, thành phố² có triển khai các văn bản trong năm của các cơ quan ở Trung ương để PCTNLPTC: 0,5 điểm. - UBND cấp tỉnh không triển khai các văn bản trong năm của các cơ quan ở Trung ương để PCTNLPTC: 0 điểm.	Liệt kê văn bản của UBND cấp tỉnh triển khai.	0,5
A.1.1.2. Lãnh đạo, chỉ đạo ban hành kế hoạch PCTNLPTC trong năm	- UBND cấp tỉnh có ban hành kế hoạch PCTNLPTC trong năm: 0,5 điểm. - Không ban hành kế hoạch: 0 điểm.	Kế hoạch PCTNLPTC trong năm của UBND cấp tỉnh.	0,5
A.1.1.3. Lãnh đạo, chỉ đạo ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trong năm	- UBND cấp tỉnh có ban hành chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí trong năm: 0,5 điểm. - Không ban hành chương trình, kế hoạch: 0 điểm.	Chương trình, kế hoạch tiết kiệm, chống lãng phí trong năm của UBND cấp tỉnh.	0,5
A.1.1.4. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để PCTNLPTC	- UBND cấp tỉnh ban hành chính sách, pháp luật để PCTNLPTC trong năm và không sửa đổi, bổ sung: 1 điểm; - Có văn bản chính sách, pháp luật được ban hành trong năm nhưng trong năm đó phải sửa đổi, bổ sung 01 lần: 0,5 điểm;	Liệt kê văn bản xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để PCTNLPTC trong năm của UBND cấp tỉnh (bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung).	1

¹ Sau đây gọi tắt là PCTNLPTC

² Sau đây gọi là UBND cấp tỉnh

	- Có văn bản chính sách, pháp luật được ban hành trong năm nhưng trong năm đó phải sửa đổi, bổ sung 02 lần trở lên thì 0 điểm.		
A.1.2. Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC	Nội dung kế hoạch PCTNLPTC trong năm: - Có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC: 1 điểm. - Không có nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC: 0 điểm.	Liệt kê nội dung kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC nêu trong Kế hoạch PCTNLPTC trong năm của UBND cấp tỉnh.	1
A.1.3. Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, giáo dục pháp luật để PCTNLPTC, kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC			1,5
A.1.3.1. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để PCTNLPTC	Nội dung kế hoạch PCTNLPTC trong năm: - Có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để PCTNLPTC: 0,5 điểm. - Không có nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để PCTNLPTC: 0 điểm.	Liệt kê nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để PCTNLPTC nêu trong Kế hoạch PCTNLPTC trong năm của UBND cấp tỉnh.	0,5
A.1.3.2. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL để PCTNLPTC	Nội dung kế hoạch PCTNLPTC trong năm: - Có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC: 1 điểm. - Không có nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC: 0 điểm.	Liệt kê nội dung kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC nêu trong Kế hoạch PCTNLPTC trong năm của UBND cấp tỉnh.	1
A.2. Đánh giá việc thực hiện của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị³; xã, phường, đặc khu⁴			13
A.2.1. Thực hiện xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để PCTNLPTC	(Số lượng sở, xã có văn bản xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật để PCTNLPTC/Tổng số sở, xã có chức năng xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật để PCTNLPTC) x 3 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã có văn bản báo cáo kết quả thực hiện và số sở, xã có chức năng xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật.	3
A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC	(Số lượng sở, xã có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/Tổng số sở, xã có chức năng kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật để PCTNLPTC) x 2 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã có văn bản báo cáo kết quả thực hiện và số sở, xã có chức năng kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.	2
A.2.3. Thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trong năm			3

³ Sau đây gọi là sở

⁴ Sau đây gọi là xã

A.2.3.1. Ban hành Chương trình	(Số lượng đơn vị sở, xã ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí/Tổng số sở, xã phải ban hành theo quy định) x 1 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã có ban hành và phải ban hành Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.	1
A.2.3.2. Kết quả thực hiện	(Số lượng đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/Tổng số sở, xã phải thực hiện theo quy định) x 2 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã có văn bản báo cáo và phải thực hiện Chương trình tiết kiệm, chống lãng phí trong năm được đánh giá; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	2
A.2.4. Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNLPTC			3
A.2.4.1. Ban hành kế hoạch	(Số lượng sở, xã ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTNLPTC/Tổng số sở, xã phải ban hành theo quy định) x 1 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã ban hành và phải ban hành kế hoạch.	1
A.2.4.2. Kết quả thực hiện	(Số lượng sở, xã có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/Tổng số sở, xã phải thực hiện theo quy định) x 2 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã có văn bản báo cáo và các sở, xã phải thực hiện; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	2
A.2.5. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTNLPTC	(Số lượng sở, xã có văn bản báo cáo kết quả thực hiện/Tổng số sở, xã có chức năng kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTNLPTC) x 2 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã có văn bản báo cáo kết quả thực hiện; số sở, xã có chức năng kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	2
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG			55
B.1. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước			50
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật trong một số lĩnh vực			8
B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính	(Số lượng sở, xã đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số sở, xã phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các sở, xã đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1

B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai về tiết kiệm, chống lãng phí	(Số lượng, nội dung thực tế đã thực hiện công khai/Tổng số nội dung phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí) x 1 =	Liệt kê danh sách các nội dung đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn	(Số lượng sở, xã đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số sở, xã phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các sở, xã đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	(Số lượng sở, xã đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số sở, xã phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các sở, xã đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định; Thông báo tuyển dụng, Quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng công khai trên cổng thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.	1
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách nhà nước	(Số lượng sở, xã đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số sở, xã phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các sở, xã đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.6. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công	(Số lượng sở, xã đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số sở, xã phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các sở, xã đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.7. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất	(Số lượng xã, đã thực hiện công khai, minh bạch/Tổng số xã phải thực hiện công khai, minh bạch) x 1 =	Liệt kê danh sách các xã đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.1.8. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	(Số lượng, nội dung thực tế đã thực hiện công khai/Tổng số nội dung phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật) x 1 =	Liệt kê danh sách các nội dung đã thực hiện, phải thực hiện công khai, minh bạch theo quy định.	1
B.1.2. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)			3
B.1.2.1. Việc ban hành văn bản triển khai rà soát XĐLI	(Số lượng sở, xã đã ban hành văn bản triển khai rà soát XĐLI/Tổng số sở, xã phải thực hiện theo quy định) x 1 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã đã ban hành, phải ban hành văn bản triển khai tổ chức rà soát XĐLI.	1
B.1.2.2. Báo cáo rà soát XĐLI	(Số lượng sở, xã đã báo cáo rà soát XĐLI/Tổng số sở, xã phải thực hiện theo quy định) x 1 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã đã báo cáo và các sở, xã phải thực hiện.	1
B.1.2.3. Kết quả rà soát XĐLI	- Không có hoặc xử lý hết các vụ XĐLI: 1 điểm - Qua rà soát còn 1 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,8 điểm	Liệt kê chi tiết các vụ XĐLI.	1

	- Qua rà soát còn 2 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,6 điểm - Qua rà soát còn 3 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,4 điểm - Qua rà soát còn 4 vụ XĐLI chưa xử lý: 0,2 điểm - Qua rà soát còn 5 vụ XĐLI trở lên chưa xử lý: 0 điểm		
B.1.3. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)			4
B.1.3.1. Việc ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC	(Số lượng sở, xã đã ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC/Tổng số sở, xã phải ban hành thực hiện ĐM, CĐ, TC) x 2 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã đã ban hành, phải ban hành văn bản để kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC.	2
B.1.3.2. Kết quả thực hiện kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC	(Số lượng sở, xã đã báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện ĐM, CĐ, TC/Tổng số sở, xã phải thực hiện theo quy định) x 2 = ...	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã đã báo cáo và các sở, xã phải thực hiện; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	2
B.1.4. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	(Số lượng sở, xã đã báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử/Tổng số sở, xã phải thực hiện theo quy định) x 2 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã báo cáo việc thực hiện quy tắc ứng xử và các sở, xã phải thực hiện; nội dung báo cáo gồm có các nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn và tài liệu chứng minh kết quả.	2
B.1.5. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức			3
B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch	(Số lượng sở, xã ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác/Tổng số sở, xã phải ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác) x 1 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã đã ban hành kế hoạch và phải ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác.	1
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	(Số lượng sở, xã báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác/Tổng số sở, xã phải thực hiện theo quy định) x 1 =	Liệt kê chi tiết danh sách các sở, xã báo cáo kết quả chuyển đổi vị trí công tác và các sở, xã phải thực hiện.	1
B.1.5.3. Việc chuyển đổi đối với vị trí có nguy cơ tham nhũng cao và phù hợp với vị trí việc làm	- Đã rà soát, xác định và thực hiện đầy đủ việc chuyển đổi đối với các vị trí thuộc diện phải chuyển đổi, trong đó ưu tiên các vị trí, lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao và phù hợp với vị trí việc làm: 1 điểm; - Đã rà soát nhưng việc tổ chức thực hiện chưa đầy đủ: 0,5 điểm; - Không thực hiện rà soát hoặc bỏ sót vị trí thuộc diện phải chuyển đổi: 0 điểm.	Báo cáo kết quả rà soát, xác định và thực hiện đầy đủ việc chuyển đổi đối với các vị trí thuộc diện phải chuyển đổi, trong đó ưu tiên các vị trí, lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao và phù hợp với vị trí việc làm.	1

B.1.6. Kết quả thực hiện cải cách hành chính	Quy đổi từ điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố (PAR Index) (Điểm PAR Index của tỉnh trong năm)/100 x 5.	Điểm số cải cách hành chính do Bộ Nội vụ công bố: kết quả PAR Index được sử dụng là kết quả đánh giá của năm liền trước năm thực hiện đánh giá và được công bố trong năm thực hiện đánh giá.	5
B.1.7. Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý	Quy đổi từ điểm số chuyển đổi số do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố (DTI). (Điểm DTI của UBND cấp tỉnh trong năm)/1000 x 7 = ...	Điểm số chuyển đổi số do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố: kết quả DTI được sử dụng là kết quả đánh giá của năm liền trước năm thực hiện đánh giá và được công bố trong năm thực hiện đánh giá.	7
B.1.8. Kết quả thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam	- UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện: 1 điểm. - UBND cấp tỉnh không ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép các nội dung thực hiện: 0 điểm. - UBND cấp tỉnh có báo cáo kết quả thực hiện: 1 điểm - UBND cấp tỉnh không có báo cáo kết quả thực hiện: 0 điểm.	- Kế hoạch hoặc lồng ghép các nội dung về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt thanh toán không dùng tiền mặt vào các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của UBND cấp tỉnh. - Báo cáo kết quả thực hiện trong năm.	2
B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)			8
B.1.9.1. Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN.	(Số lượng sở, xã đã lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN/Tổng số sở, xã phải lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN) x 2 =	Liệt kê danh sách sở, xã đã lập và phải lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN.	2
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	(Số lượng sở, xã hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định/Tổng số sở, xã phải thực hiện theo quy định) x 2 =	Liệt kê danh sách sở, xã hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định.	2
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN trong năm	- UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN trong năm: 1 điểm. - Thanh tra cấp tỉnh ban hành kế hoạch tiến hành xác minh TSTN trong năm: 1 điểm.	- Liệt kê văn bản UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN trong năm. - Kế hoạch tiến hành xác minh TSTN trong năm.	2
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN trong năm	(Số người được xác minh TSTN trong năm đã có kết luận/Tổng số người được xác minh TSTN trong năm) x 2 =	Liệt kê Báo cáo kết quả xác minh TSTN, kết luận xác minh TSTN đã thực hiện trong năm.	2

B.1.10. Thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu			6
B.1.10.1. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	(Số vụ việc được Chủ tịch UBND cấp tỉnh có văn bản chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gửi tới Chủ tịch UBND cấp tỉnh) x 1 = Lưu ý: Nếu UBND cấp tỉnh không có công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thì được 1 điểm.	- Liệt kê các văn bản của Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Liệt kê tổng số các vụ việc công dân tố cáo, kiến nghị, phản ánh về tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Liệt kê tổng số các vụ việc có kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. - Cung cấp các báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTNLPTC trong năm.	1
B.1.10.2. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định	(Số tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh/12 tháng) x 2 =	Liệt kê thông báo, lịch, biên bản thể hiện số tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, văn bản uỷ quyền theo quy định.	2
B.1.10.3. Tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chức năng tiếp công dân	(Số lượng Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn có chức năng tiếp công dân tiếp dân đầy đủ theo quy định/Tổng số Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn có chức năng tiếp công dân) x 1 = ...	Liệt kê danh sách Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn có chức năng tiếp công dân tiếp công dân đầy đủ theo quy định. Ghi chú: Mỗi Cơ quan chuyên môn có chức năng tiếp công dân cập nhật thông báo, lịch, biên bản... thể hiện số tháng tiếp công dân của Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn có chức năng tiếp công dân theo quy định.	1
B.1.10.4. Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp xã theo Luật Tiếp công dân	(Số lượng Chủ tịch UBND cấp xã tiếp dân đầy đủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Tiếp công dân/ Tổng số Chủ tịch UBND cấp xã) x 2 = ...	Liệt kê danh sách Chủ tịch UBND cấp xã tiếp công dân đầy đủ theo quy định. Ghi chú: Mỗi UBND cấp xã cập nhật thông báo, lịch, biên bản... thể hiện số	2

		<i>tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Tiếp công dân.</i>	
B.1.11. Việc thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tiết kiệm, chống lãng phí	Số thông tin được cập nhật/tổng số thông tin phải cập nhật theo quy định x 2 = ...	Liệt kê thông tin phải cập nhật; thông tin đã được cập nhật, thời hạn cập nhật.	2
B.2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước			5
B.2.1. Thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ	- Trong năm, UBND cấp tỉnh có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ: 1 điểm. - Không có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả: 0 điểm.	Liệt kê văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước trong năm.	1
B.2.2. Thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch	- Trong năm, UBND cấp tỉnh có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch: 1 điểm. - Không có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả: 0 điểm.	Liệt kê văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước trong năm.	1
B.2.3. Thực hiện kiểm soát, xung đột lợi ích	- Trong năm, UBND cấp tỉnh có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện kiểm soát, xung đột lợi ích: 1 điểm. - Không có văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả: 0 điểm.	Liệt kê văn bản do UBND cấp tỉnh ban hành hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước trong năm.	1
B.2.4. Thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu trong việc báo cáo kết quả áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng	(Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có văn bản báo cáo kết quả áp dụng các biện pháp phòng ngừa tham nhũng/Tổng số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước thuộc phạm vi quản lý có nghĩa vụ báo cáo) x 2 =	Liệt kê số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước có văn bản báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng.	2
C. Việc phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực			17
C.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra	(Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện) x 2 + (Số cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cuộc giám sát thực hiện) x 1 +	- Liệt kê cụ thể các cuộc giám sát, thanh tra, kiểm tra. - Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, trong năm của UBND cấp tỉnh.	8

	(Số cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cuộc thanh tra thực hiện) x 5 =	- Báo cáo kết quả giám sát trong năm.	
C.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc thông tin được cung cấp dưới hình thức khác theo quy định của pháp luật	(Số vụ việc đã phát hiện qua tin phản ánh/Tổng số tin phản ánh có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong toàn tỉnh) x 1 + (Số vụ việc đã phát hiện qua đơn tố cáo/Tổng số đơn tố cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong toàn tỉnh) x 1 + (Số vụ việc đã phát hiện qua báo cáo/Tổng số báo cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong toàn tỉnh) x 1 =	- Liệt kê cụ thể các vụ việc đã phát hiện, số lượng tin phản ánh, tố cáo, báo cáo có liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được phát hiện trong năm. - Báo cáo kết quả phát hiện, xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm.	3
C.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua điều tra	(Số vụ án tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được khởi tố điều tra/ Tổng số vụ việc tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) x 6 = ...	Số liệu cụ thể vụ án phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua điều tra do các cơ quan điều tra của tỉnh phát hiện trong năm.	6
D. Việc xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực			10
D.1. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	Số cơ quan đã xử lý trách nhiệm Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn) x 2 = ...	- Liệt kê danh sách các cơ quan đã xử lý trách nhiệm Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. - Liệt kê danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	2
D.2. Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính với tổ chức, cá nhân có vi phạm	(Số tổ chức, cá nhân đã xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính do để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số tổ chức, cá nhân để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) x 2 = ...	Liệt kê danh sách các tổ chức, cá nhân bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc vi phạm trong tổ chức thực hiện do tỉnh phát hiện.	2

D.3. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	(Số người bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực/Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng, lãng phí, tiêu cực) x 2 =	Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện của các cơ quan điều tra trong năm.	2
D.4. Thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực			4
D.4.1. Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải thu hồi và kết quả thu hồi	(Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã thu hồi/Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải thu hồi) x 2 =	- Liệt kê số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã thu hồi trong toàn tỉnh. - Liệt kê số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phải thu hồi trong toàn tỉnh.	2
D.4.2. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng biện pháp hành chính	(Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh / Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh) x 1 =	- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc. - Liệt kê số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc.	1
D.4.3. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng biện pháp tư pháp	(Số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã thu hồi qua công tác điều tra, thi hành án/Tổng số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác điều tra, thi hành án) x 1 =	- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, thi hành án theo từng vụ việc. - Liệt kê số tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phát hiện qua công tác điều tra, thi hành án theo từng vụ việc.	1
Đ. ĐIỂM CỘNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC			
Đ.1. Số thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác thi hành án	Tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực qua công tác thi hành án vượt chỉ tiêu Bộ Tư pháp giao: 2 điểm.	Văn bản giao chỉ tiêu; báo cáo, số liệu xác nhận của cơ quan thi hành án có thẩm quyền về số phải thi hành, số có điều kiện thi hành, số thực thu và tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu tương ứng.	+ 2
Đ.2. Chủ động kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Có văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: 2 điểm.	Văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.	+2

E. ĐIỂM TRỪ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC			
E.1. Việc không thực hiện hoặc chậm nộp báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	- UBND cấp tỉnh không nộp báo cáo công tác PCTNLPTC hằng năm; báo cáo tự đánh giá công tác PCTNLPTC và tài liệu minh chứng: - 2 điểm. - UBND cấp tỉnh chậm nộp báo cáo công tác PCTNLPTC hằng năm; báo cáo tự đánh giá công tác PCTNLPTC và tài liệu minh chứng: - 1 điểm.	Thời gian gửi báo cáo của UBND cấp tỉnh.	- 2
E.2. Cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng không chính xác	- UBND cấp tỉnh cung cấp hồ sơ, tài liệu minh chứng không chính xác: - 2 điểm.	Khi các cơ quan khác phát hiện.	-2
E.3. Báo cáo không có tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhưng các cơ quan có thẩm quyền khác lại phát hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Có vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bị các cơ quan khác phát hiện.	Khi các cơ quan khác phát hiện.	-3
E.4. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu UBND cấp tỉnh, cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã bị xử lý do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được các cơ quan khác phát hiện	Trong năm, Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu UBND cấp tỉnh, cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã bị xử lý do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: - Mức 1: Có trường hợp bị xử lý hình sự hoặc khai trừ: - 2 điểm. - Mức 2: Có trường hợp bị xử lý cách chức: -1,5 điểm. - Mức 3: Có trường hợp bị xử lý cảnh cáo: -1 điểm. - Mức 4: Có trường hợp bị xử lý khiển trách: - 0,5 điểm. (Tỉnh có nhiều trường hợp bị xử lý ở các mức khác nhau, thì trừ điểm ở mức cao nhất).	Liệt kê Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu UBND cấp tỉnh, cấp trực thuộc UBND cấp tỉnh, cấp xã bị xử lý do tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong năm: - Mức 1: (bị xử lý hình sự hoặc khai trừ): - Mức 2: (bị xử lý cách chức): - Mức 3: (bị xử lý cảnh cáo): - Mức 4: (bị xử lý khiển trách):	- 2

Lưu ý:

1. Trường hợp điểm theo phương pháp tính cao hơn điểm tối đa thì lấy điểm đánh giá là điểm tối đa.
2. Lấy điểm đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.
3. Đối với tiêu chí tại các mục C.1, C.2, D.4.2: Nếu UBND cấp tỉnh, sở, xã làm tốt công tác phòng ngừa nên không có phản ánh, tố cáo, báo cáo, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và không phát sinh vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thì sẽ được điểm tối đa. Trường hợp bị cơ quan khác ngoài địa phương phát hiện có tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thì không có điểm và các tiêu chí tương ứng bị trừ điểm.
4. Cơ quan, đơn vị sau sắp xếp có trách nhiệm tổng hợp, tiếp nhận và kế thừa số liệu, tài liệu của cơ quan, đơn vị trước khi sắp xếp thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao để phục vụ việc đánh giá.